

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2019/HS-ST

Ngày 19 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ - Cán bộ hưu trí

Ông Lê Đức Trí - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35 /2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019;

Đối với bị cáo: **Lại Toàn T**, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1984 tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Xóm 17, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Anh X và bà Nguyễn Thị H; vợ: Phan Thị N (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án: Ngày 27/2/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội” Trộm cắp tài sản”.

Ngày 08/9/2016 bị TAND thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”

Ngày 09/8/2017 bị TAND huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của các bản án trên.

Tiền sự: không

Nhân thân : Ngày 09/6/2010 bị TAND thị xã T, tỉnh Bình Dương, xử phạt

01 năm 03 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”

bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giữ ngày 01/5/2019 tạm giam từ ngày 07/5/2019; có mặt.

- Bị hại: Ông Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1960, nơi cư trú: thôn Tinh Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

3. Anh Bùi Văn S, sinh năm 1989,

Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 01/5/2019 Lại Toàn T - sinh năm 1984, trú tại xóm 17, xã X, huyện Thọ Xuân đi bộ từ nhà qua xã X, huyện T với mục đích có ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến quốc lộ 47C thuộc địa phận xã X, thì T nhìn thấy 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu SONSU EBIKE của ông Trịnh Xuân Đ - sinh năm 1960, trú tại thôn Tinh Thôn 1, xã X đang dừng ở cạnh đường; lợi dụng sơ hở khi ông Đang làm vườn và không có người trông coi, T đã lấy trộm chiếc xe đạp điện của ông Đ rồi đạp đi, được khoảng 100m thì bị ông Đ cùng người dân đuổi theo và bắt quả tang.

Ngày 02/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 16/CSĐT, định giá đối với chiếc xe đạp điện là vật chứng của vụ án. Tại kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T, tài sản có giá trị là 6.300.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe đạp điện màu đen nhãn hiệu SONSU EBIKE, sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Xuân Đ; ông Đ không yêu cầu Lại Toàn T phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSTX ngày 29/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Lại Toàn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lại Toàn T thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu SONSUEBIKE, màu sơn đen, của ông Trịnh Xuân Đ ở thôn Tinh Thôn 1, xã X, huyện T đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lại Toàn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng:

khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lại Toàn T từ 36 (ba mươi sáu) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trung. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét. Về án phí: buộc bị cáo Lại Toàn T phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận gì khác; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ ngày 01/5/2019, Lại Toàn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SONSU EBIKE, màu sơn đen, của ông Trịnh Xuân Đ có giá trị 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo Lại Toàn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo chỉ vì muốn có phương tiện để sử dụng cho cá nhân, khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian gần đây tội phạm trộm cắp tài sản, đặc biệt là ở các vùng nông thôn đang diễn biến phức tạp, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân. Loại tội phạm này ngày càng hoạt động chuyên nghiệp, tinh vi, trong khi ý thức bảo vệ tài sản của người dân thì vẫn còn sơ

hở. Do vậy việc đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không

[5] Về nhân thân: Bị cáo T tuổi đời còn trẻ, lẽ ra bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lại không chịu khó học tập, rèn luyện, mà ham chơi, thích hưởng thụ, sống buông thả dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý vụ án thật nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học đối với những ai đang có ý định thực hiện tội phạm.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ và hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo T bằng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Xét thấy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, ông Đ không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu SONSU EBIKE, màu sơn đen Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho ông Trịnh Xuân Đ là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Lại Toàn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Lại Toàn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lại Toàn T 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/5/ 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về án phí: bị cáo Lại Toàn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo Lại Toàn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiền